

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI BÈ TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST**

**Ngày 07/02/2022**

**V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Trần Xuân Văn.***

***Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Dũng.***

***Ông Nguyễn Văn Bình.***

***Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dung,*** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 07 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 354/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lê Thị Thúy N**, sinh năm: 1990 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp An H, xã An C, huyện Cái B, tỉnh Tiền G.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn L**, sinh năm: 1980 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp An H, xã An C, huyện Cái B, tỉnh Tiền G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thúy N trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn L do quen biết nên tiến tới hôn nhân vào năm 2009, hôn nhân xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã An C, huyện Cái B, tỉnh Tiền G. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì anh L không lo làm ăn, sống thiếu trách nhiệm với gia đình, đam mê cờ bạc. Chị N và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh L không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân từ năm

2019 đến nay không hàn gắn đoàn tụ được. Chị N nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết L, sinh ngày 29/9/2010 và Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 27/12/2014 hiện do chị N đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thúy N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa chị Lê Thị Thúy N và anh Nguyễn Văn L là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Lê Thị Thúy N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt chị N và anh L.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, mặc dù hôn nhân giữa chị Lê Thị Thúy N và anh Nguyễn Văn L là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 158, quyển số 01 ngày 13/11/2009 tại UBND xã An Cư. Tuy nhiên, hiện tại cuộc sống hôn nhân của chị N, anh L không còn hạnh phúc. Hai bên đã sống ly thân trong khoảng thời gian dài không hàn gắn đoàn tụ được. Đối với anh L, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, anh L không đến dự theo giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn mà chị N đưa ra. Điều này chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn đối với cuộc hôn nhân này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thúy N.

[4] Về con chung: Xét thấy, hai cháu Nguyễn Thị Tuyết L và Nguyễn Thị Lan A hiện đang sống với chị N, bản thân chị N có chỗ ở và công việc thu nhập ổn định, đủ khả năng chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chưa thành niên. Tại các bản khai ngày 15/11/2021 của hai cháu Nguyễn Thị Tuyết L và Nguyễn Thị Lan A các cháu khai hiện đang sống với chị N, cuộc sống ổn định, điều kiện sống tốt và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị N. Đối với anh L không có nguyện vọng nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, học hành, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung. Giao 02 con chung cho chị Lê Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Nợ chung: không có.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thúy N.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thúy N ly hôn với anh Nguyễn Văn L;

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết L, sinh ngày 29/9/2010 và Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 27/12/2014 cho chị Lê Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

số 0000795 ngày 21/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

5. Chị Lê Thị Thúy N và anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cái Bè;
- UBND nơi ĐKKH;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Trần Xuân Văn**